

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DSST
Ngày 17- 02 – 2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Khắc Hồi

2. Bà Sơn Ngọc Ngoan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P T, xã TM, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Dũng S, sinh năm 1973 (có mặt)

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P T, xã TM, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Lê Thị Bích N, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Lê Thành R, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P T, xã TM, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Vào năm 2019, do cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông Lê Dũng S có nhờ ông vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn số tiền 162.100.000 đồng, ông đưa cho vợ chồng ông Lê Dũng S số tiền là 120.000.000 đồng. Hàng tháng gia đình ông Sĩ đóng lãi và đến hạn trả gốc và vay lại. Việc ông vay dùm chỉ là thỏa thuận miệng không có giấy tờ.

Trong thời gian vay tiền của Ngân hàng, ông Lê Dũng S và chị Lê Thị Bích N có đi đóng lãi nhiều lần cho khoản vay này, mỗi lần đóng lãi ông Sĩ đóng cho khoản vay của ông Sĩ là 120 triệu đồng, số tiền lãi còn lại, ông phụ thêm tiền cho khoản vay còn lại của ông.

Đến ngày 03/4/2019, gia đình ông Sĩ không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông trả nợ và xử lý tài sản thế chấp. Ông đã chuyển nhượng thửa đất thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng với số tiền là 188.205.677 đồng. Trong đó gốc là 162.100.000 đồng và lãi là 26.105.677 đồng.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả lại số tiền 120.000.000 đồng, ông không yêu cầu ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả lãi suất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Dũng S là bị đơn trình bày:*

Vợ chồng ông không có nhờ ông Phạm Văn Đ vay Ngân hàng vay số tiền 120.000.000 đồng. Vào năm 2019, ông có nghe việc ông Phạm Văn Đ vay tiền Ngân hàng số tiền để mua bò về nuôi. Sau đó, ông Đậu có mua được 05 con bò và giao cho vợ chồng ông nuôi (mua giá bao nhiêu thì ông không biết rõ), thỏa thuận khi nào con bò đẻ con thì bò con giá trị bao nhiêu ông và ông Đậu chia hai. Tuy nhiên, ông nuôi bò được khoảng 07 tháng thì ông Đậu đã bán 04 con bò, 01 con bò thì ông Đậu dắt về giao cho ông Lê Thành R nuôi, được vài ngày thì ông Đậu cũng bán luôn con bò này (bán giá bao nhiêu thì ông không biết rõ). Việc thỏa thuận nuôi bò giữa ông và ông Đậu chỉ có ông Lê Thành R biết.

Ông Phạm Văn Đ có nhờ ông đi đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn đóng lãi cho khoản nợ vay nhiều lần, còn khoản vay đó là khoản vay ông Đậu vay của Ngân hàng, chứ ông không biết rõ số tiền ông Đậu vay là bao nhiêu, mỗi lần ông đóng lãi ông Đậu đưa ông số tiền khoảng 2.000.000 đồng.

Nay ông Phạm Văn Đ yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 120.000.000 đồng, ông không đồng ý vì ông không có vay tiền và cũng không nhận số tiền nào từ ông Đậu.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, các lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Phạm Thị T là bị đơn trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của ông Lê Dũng S, không có ý kiến trình bày bổ sung.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án, các lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị Bích N trình bày:*

Chị là con ruột của ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T, chị không biết sự việc ông Sĩ nhờ ông Đậu vay số tiền Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ông Phạm Văn Đ có qua nhà chị gửi tiền lãi để đóng khoản lãi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, còn đóng bao nhiêu tiền thì chị không nhớ rõ. Còn sự việc ông Đậu có mua con bò cho ông Sĩ nuôi thì chị cũng không biết rõ vì chị đi làm ở trọ trên Thành phố Trà Vinh không có về nhà.

Nay ông Phạm Văn Đ yêu cầu vợ chồng ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả số tiền 120.000.000 đồng, chị không có ý kiến, tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, các lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Lê Thành R trình bày: Ông có nghe ông Phạm Văn Đ và ông Lê Dũng S nói chuyện với nhau về việc ông Sĩ nhờ ông Đậu vay số tiền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, ông Sĩ có trách nhiệm trả số tiền này từ từ, còn số tiền bao nhiêu thì ông không biết rõ và vay vào năm nào ông cũng không biết rõ. Ông không có chứng kiến sự việc giao tiền vay giữa ông Phạm Văn Đ và ông Lê Dũng S.*

Vào năm 2019, ông Đậu có mua khoảng 05 con bò cho vợ chồng ông Sĩ nuôi, thỏa thuận khi nào con bò đẻ con thì bò con giá trị bao nhiêu ông Sĩ và ông Đậu chia hai. Tuy nhiên, ông Sĩ nuôi bò được khoảng 07 tháng thì ông Đậu đã bán 04 con bò, còn 01 con dẫn về cho ông nuôi, ông nuôi được 02 tháng thì ông Đậu cũng bán con bò này.

Việc ông Sĩ nhờ ông Đậu vay số tiền của Ngân hàng và việc ông Đậu mua con bò cho ông Sĩ nuôi là hai việc khác nhau không có liên quan. Vì ông Đậu vay tiền dùm ông Sĩ là việc diễn ra trước khi ông Đậu mua con bò cho ông Sĩ nuôi.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 26, 68, 70, 71, 72 177, 196, 203, 208, 220, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc yêu cầu vợ chồng ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả số tiền 120.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp không phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy đây là quan hệ giao dịch dân sự về vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay”. Bị đơn cư trú tại Ấp P T, xã TM, huyện C T, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Phạm Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả lại số tiền mà ông đã vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn là 120.000.000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay nợ giữa các bên là do các bên tự thỏa thuận với nhau. Khi ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T nhờ ông Phạm Văn Đ vay tiền, hai bên không làm văn bản cũng như các giấy tờ khác thể hiện có sự việc vay tiền này. Ông Phạm Văn Đ cho rằng việc vay tiền này có một số người làm chứng như ông Lê Thành R, và một số anh em của ông Lê Dũng S biết. Tuy nhiên, đối với lời khai người làm chứng ông Lê Thành R thì cho rằng ông chỉ nghe việc ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T nhờ ông Phạm Văn Đ vay dùm một số tiền chứ ông cũng không chứng kiến việc giao nhận tiền từ ông Phạm Văn Đ với ông Lê Dũng S, bà Phạm Thị T. Ngoài ra Tòa án có tiến hành xác minh một số người làm chứng khác thì họ cho rằng họ không có biết và cũng không chứng kiến việc vợ chồng ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T nhờ ông Phạm Văn Đ vay số tiền từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Tại thỏa thuận cho vay ngắn hạn (vay món) số 190930042/TD-SCB-CNTV ngày 03/4/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn thể hiện trong hợp đồng chỉ có ông Phạm Văn Đ ký tên, ngoài ra ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T không có ký tên khoản vay này.

Ngoài các chứng cứ trên thì ông Phạm Văn Đ không còn tài liệu nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Do đó yêu cầu của ông Phạm Văn Đ, buộc ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 40, 116, 117, 119, khoản 2 Điều 277, 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ buộc ông Lê Dũng S và bà Phạm Thị T trả số tiền 120.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hồng Nhân